

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05-4-2018
V/v tranh chấp “Ly hôn và
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GD, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thiều
2. Ông Trần Văn Rọi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐST-HN ngày 21 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thanh H, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Tổ 5, ấp 6, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN;

Tạm trú: Tổ 4, ấp BK, xã ĐT, huyện TB, tỉnh TN.

- Bị đơn: Anh Lê Thanh T, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Tổ 5, ấp 6, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN.

Tất cả có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Lê Thanh H trình bày: Chị và anh T chung sống với nhau từ tháng 12/2015 (AL), hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Anh chị sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, do hai bên gia đình có xảy ra mâu thuẫn nên anh T không còn quan tâm đến chị, thường xuyên đi làm sớm về muộn. Ngoài ra, chị có mâu thuẫn với cha mẹ anh T vì cha mẹ anh T chửi mắng và không thừa nhận chị là con dâu. Anh chị vẫn sống chung nhà nhưng không quan tâm và chăm sóc lẫn nhau chị bỏ về nhà mẹ ruột ở và vợ chồng sống ly thân từ tháng 11-2017 đến nay. Tuy tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng chị cảm

thấy nhạt dần nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Lê Thanh L, sinh ngày 17-11-2016 và chị đang mang thai con chung được hơn 04 tháng. Hiện tại cháu L sống chung với anh T. Nay chị yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn anh Lê Thanh T trình bày*: Anh thừa nhận lời trình bày của chị H là đúng, tuy nhiên anh chị chung sống không mâu thuẫn gì. Khi hai bên gia đình cha mẹ xảy ra mâu thuẫn, chị H trở nên trầm cảm, không muốn tiếp xúc với các thành viên trong gia đình anh, nên anh buồn và thường xuyên đi làm sớm về muộn. Chị H yêu cầu ly hôn anh không đồng ý mà yêu cầu được đoàn tụ, vì anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn anh sẽ cố gắng sửa đổi quan tâm đến chị H nhiều hơn, hơn nữa anh muốn chăm sóc khi chị H sinh con cùng nhau nuôi dạy con vì con còn rất nhỏ. Tuy nhiên tại phiên tòa anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Vì chị H đang mang thai và sẽ sinh con nên không có điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc cháu L. Trường hợp giao con cho chị H nuôi thì anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì anh thấy gia đình chị H có đầy đủ điều kiện.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn của chị H và anh T; con chung, giao cho chị H nuôi dưỡng, buộc anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; tài sản và nợ anh chị khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Thanh H và anh Lê Thanh T chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị H yêu cầu ly hôn anh T cũng đồng ý ly hôn do trong quá trình chung sống hai bên gia đình xảy ra mâu thuẫn từ đó cuộc sống anh chị không hạnh phúc, chị H trở nên lạnh nhạt không tiếp xúc với các thành viên trong gia đình anh T còn anh T cũng vì vậy mà buồn nên thường đi sớm về muộn. Xét thấy chị H và anh T thật sự tự nguyện ly hôn và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn của chị H và anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị H và anh T đều có yêu cầu được nuôi dưỡng. Xét thấy cháu L còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, tại phiên tòa anh T cho rằng chị H và gia đình chị H có đầy đủ điều kiện để nuôi và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ

nên Hội đồng xét xử giao cháu L cho chị H được nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu L một tháng 2.000.000 đồng, anh T không đồng ý cấp dưỡng. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng của chị H là phù hợp, anh T có nghề nghiệp ổn định, có thu nhập hàng tháng, tuy nhiên mức cấp dưỡng mà chị H yêu cầu là cao so với thu nhập của anh T nên Hội đồng xét xử cần buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L một tháng 1.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H và anh T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 và 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 5 và 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thanh H và anh Lê Thanh T.

2. Về con chung: Giao cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Thanh L, sinh ngày 17-11-2016. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L một tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu L đã thành niên và có khả năng lao động. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 4/2018.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số **0013085** ngày 13/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Buộc anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD
- Ủy ban nhân dân xã BĐ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vui